

Bản án số: 22/2020/DS-ST

Ngày: 02 - 7 - 2020

*“V/v Tranh chấp
hợp đồng vay tài sản”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đoàn Công Quốc**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Huỳnh Thanh Trà**
Ông **Huỳnh Tiền**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Linh Phương** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tham gia phiên tòa: Bà **Hà Thị Thu Hiếu** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 02 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 190/2019/TLST- DS ngày 13 tháng 12 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2020/QĐST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Vũ Văn C**, sinh năm 1978; Trú tại: K45/H46/8 đường L, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng – Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Đình Văn T**, sinh năm 1989; Trú tại 224 đường Đ, quận T, thành phố Đà Nẵng (Theo văn bản ủy quyền ngày 14/8/2019). Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà **Lê Thị Bích L**, sinh năm 1990; Trú tại: 233/47 đường T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt,

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 7 năm 2019 (*Nộp tại Tòa án nhân dân quận Thanh Khê*) và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Do có quan hệ quen biết nên vào ngày 10/01/2019 ông Vũ Văn C có cho bà Lê Thị Bích L mượn số tiền 239.000.000đ, mục đích để đáo hạn ngân hàng lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra mua bán với người thứ ba. Khi nhận tiền hai bên có viết giấy mượn tiền cùng ngày. Tại giấy mượn tiền thể hiện “*Hôm nay ngày 10/01/2019 tôi có mượn của anh Vũ Văn C số tiền là 239.000.000đ, tôi hứa trong vòng 3 tháng nếu gia đình*

tôi bán xong nhà tại địa chỉ 154 Tôn Đức, tôi xin hứa sẽ hoàn trả số tiền trên. Nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật”.

Quá thời hạn cam kết, nhưng bà L không trả tiền cho ông C, qua kiểm tra thì được biết nhà 154 đường T không phải là nhà của bà L. Ông C cũng đã nhiều lần gặp bà L để yêu cầu trả nợ nhưng bà L hứa hẹn sau đó trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Do đó ông C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L phải thanh toán số tiền gốc đã mượn là 239.000.000đ và lãi tính từ ngày 11/4/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 02/7/2020 là 14 tháng 21 ngày, làm tròn thành 14 tháng. Mức lãi suất được áp dụng tương ứng lãi suất do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 là 9%/năm. Tổng cộng tiền lãi là 14 tháng x 0,75% x 239.000.000đ = 25.095.000đ.

* Quá trình thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân quận T đã gửi thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn Lê Thị Bích L theo địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp tại tổ 86 (cũ), tổ 43 (mới), phường T, quận T nhưng không có người nhận văn bản tố tụng. Qua xác minh thể hiện bà L đã di khỏi địa phương. Đại diện nguyên đơn cung cấp địa chỉ mới của bị đơn tại 233/47 T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng, Tòa án nhân dân quận T đã xác minh tại địa chỉ này, kết quả xác minh thể hiện bà L có đăng ký tạm trú và sinh sống tại địa chỉ trên nên đã chuyển vụ án cho Tòa án nhân dân quận H để giải quyết theo thẩm quyền.

Từ sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng cho bà L tại địa chỉ 233/47 đường T, phường H, quận H nhưng bà L không có mặt nhận văn bản tố tụng. Kết quả xác minh thể hiện bà L trước đây có tạm trú nhưng đã bỏ đi khỏi địa chỉ này. Do việc tổng đạt văn bản tố tụng không đảm bảo nên Tòa án đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, báo Thanh niên trong ba số liên tiếp vào các ngày 09,10, 11 tháng 4 năm 2020 và đồng thời đăng phát thông tin trên đài truyền hình, công thông tin điện tử của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng. Ngoài việc đăng thông báo, Tòa án cũng đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn Lê Thị Bích L không có bất kỳ văn bản phản hồi nào và cũng không có mặt tại các phiên họp, hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay. Do đó bà L không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng về thẩm quyền, quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các bước thủ tục tố tụng đảm bảo để các bên đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền của mình. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt đến lần thứ hai nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ án.

Về nội dung: Cùng với yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn cung cấp Giấy mượn tiền ngày 10/01/2019 thể hiện bà Lê Thị Bích L có mượn của ông Vũ Văn C số tiền 239.000.000đ, cam kết trả trong thời hạn ba tháng. Quá thời hạn trên nhưng bà L không trả nợ, do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả tiền là có căn cứ chấp nhận. Đối với yêu cầu về lãi suất thì thấy rằng Giấy mượn tiền có cam kết thời hạn

trả nợ nhưng quá thời hạn cam kết bà L vẫn không trả tiền là vi phạm nghĩa vụ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu về lãi suất của nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa và những tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản, địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của bị đơn là 233/47 đường T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng nên Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định về thẩm quyền.

[1.2] Nguyên đơn khởi kiện vụ án tại Tòa án nhân dân quận T theo đơn khởi kiện ngày 25/7/2019 nhưng kết quả xác minh ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân quận T thể hiện bị đơn đã chuyển về sống, và đăng ký tạm trú tại 233/47 đường T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Do đó Tòa án nhân dân quận T đã chuyển vụ án cho Tòa án nhân dân quận H để giải quyết theo thẩm quyền. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng cho bị đơn tại địa chỉ mới nhưng bị đơn tiếp tục đi khỏi nơi cư trú và không xác định đi đâu. Căn cứ Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về việc khởi kiện của nguyên đơn cho bị đơn được biết đồng thời niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng bị đơn không có ý kiến phản hồi về vụ án. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn đã cung cấp chứng cứ là giấy mượn tiền thể hiện vào ngày 10/01/2019 thông qua mối quan hệ quen biết, bị đơn Lê Thị Bích L có vay mượn của nguyên Đơn Vũ Văn C số tiền 239.000.000đ và cam kết thời gian trả nợ trong vòng ba tháng. Tại Giấy mượn tiền bị đơn cam kết *“tôi hứa trong vòng 3 tháng nếu gia đình tôi bán xong nhà tại địa chỉ 154 Tôn Dẩn, tôi xin hứa sẽ hoàn trả số tiền trên. Nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật”*. Kết quả xác minh thể hiện nhà 154 đường T hiện đứng tên ông Nguyễn Hữu N và bà Lê Thị Bích P, ông N, bà P nhận chuyển nhượng từ bà Huỳnh Thị Mỹ N vào ngày 07/6/2019, không liên quan gì đến bà Lê Thị Bích L. Như vậy, ngay từ khi giao kết, bị đơn đã đưa ra thông tin không đúng sự thật và sau khi nhận tiền, đến thời điểm thanh toán, bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó nguyên đơn khởi kiện đòi số tiền gốc 239.000.000đ là có căn cứ.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về lãi suất thì thấy rằng: Căn cứ cam kết tại giấy mượn tiền thể hiện thời hạn trả nợ là trong vòng ba tháng. Nhưng quá thời hạn ba tháng,

bị đơn không thực hiện đúng cam kết, do đó bị đơn phải chịu lãi suất phát sinh đối với giao dịch này, lãi suất bắt đầu tính kể từ ngày đầu tiên của tháng thứ tư tức là ngày 11/4/2019 như nguyên đơn yêu cầu là phù hợp. Về mức lãi suất, nguyên đơn căn cứ Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/năm tương ứng với số tiền và thời gian chậm thanh toán là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí, do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp trong vụ án.

[4] Về chi phí khác, quá trình giải quyết vụ án có căn cứ xác định việc niêm yết văn bản tố tụng không đảm bảo cho bị đơn nhận được thông tin về vụ án. Nguyên đơn cũng đã có văn bản yêu cầu thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và tự nguyện chịu lệ phí thông báo. Đối với chi phí này, nguyên đơn tự nguyện chịu và đã thanh toán xong cho các cơ quan thông tin đại chúng đăng, phát thông báo nên Hội đồng xét xử không đề cập.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166; Điều 274; Điều 275; Điều 280; Điều 357 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Vũ Văn C về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn Lê Thị Bích L.

Xử

1. Buộc bà Lê Thị Bích L phải trả cho ông Vũ Văn C số tiền tổng cộng là 264.095.000đ (*Hai trăm sáu mươi bốn triệu không trăm chín mươi lăm ngàn đồng*). Trong đó nợ gốc là 239.000.000đ, nợ lãi phát sinh là 25.095.000đ

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người có nghĩa vụ thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Bích L phải chịu 13.204.750đ (*mười ba triệu hai trăm lẻ bốn ngàn bảy trăm năm mươi đồng*). Hoàn trả ông Vũ Văn C số tiền tạm ứng án phí đã

nộp là 6.141.000đ (sáu triệu một trăm bốn mươi một ngàn) theo Biên lai thu tiền số 0005075 ngày 28/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Hải Châu;
- Đương sự;
- Chi cục THA DS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đoàn Công Quốc

